

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST

Ngày: 11- 7- 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Văn Thuận, bà Quách Thị Tình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.**

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐST-DS ngày 25/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-DS ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Hợp tác xã N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Chức danh: Giám đốc HTX  
Kiêm chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T1, Thanh Hoá.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T1, Thanh Hoá.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đỗ Văn X

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T1, Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt ông Lê Văn Quang; Vắng mặt ông Đỗ Văn X và bà Nguyễn Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X trú tại thôn Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa trong thời gian làm mía đường gia đình bà H và ông X có nợ tiền đầu tư phân bón và giống mía của Hợp tác xã Ngọc Trạo cũ (Nay là Hợp tác xã N) tính đến ngày 30/12/2017 số tiền là 20.090.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Từ ngày 30/12/2017, Hợp tác xã N nhận bàn giao của Hợp tác xã Ngọc Trạo số tiền gia đình bà H và ông X nợ HTX và tính lãi 1%/ tháng từ ngày 01/01/2018. Đến ngày 09/12/2019 hai bên có văn bản chốt nợ số tiền nợ cả gốc và lãi là 22.500.800 đồng. Ngày 30/3/2020 hai bên tiếp tục chốt công nợ số tiền nợ của gia đình bà H là 25.956.923 đồng và bà H đã cam kết đến ngày đến ngày 30/6/2020 gia đình sẽ trả nợ cho Hợp tác xã. Tuy nhiên qua nhiều lần cam kết trả nợ nhưng bà H và ông X không trả nợ cho Hợp tác xã như đã cam kết. Hợp tác xã N yêu cầu bà H và ông X phải trả số tiền nợ là 25.956.923 đồng và yêu cầu tính lãi 1%/tháng từ 30/6/2020 đến khi bà H và ông X trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H không đồng ý với yêu cầu của Hợp tác xã N. Bà H chỉ đồng ý trả số tiền nợ trong thời gian gia đình bà trồng mía từ năm 2012 đến năm 2014 số tiền gốc là 6.077.000 đồng và số tiền lãi phát sinh. Bà H yêu cầu rà soát lại tất cả các giấy tờ từ năm 2012 đến nay nếu đúng với số tiền mà Hợp tác xã N khởi kiện thì bà H sẽ đồng ý trả. Việc chốt công nợ với Hợp tác xã N bà H có được ký tên nhưng không đọc nội dung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Đỗ Văn X để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông X đều vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Hợp tác xã N (Sau đây viết tắt là HTX N) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X trả cho Hợp tác xã số tiền nợ tiền vay đầu tư trồng mía. Theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về giao

dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự là bà H và ông X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp và áp dụng pháp luật: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X nợ tiền vay đầu tư trồng mía của Hợp tác xã N. Đến ngày 09/12/2019 và ngày 30/3/2020 hai bên đã có văn bản chốt nợ và cam kết ngày trả. Do đó xác định giao dịch dân sự giữa Hợp tác xã N với bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X được thực hiện là quan hệ “tranh chấp hợp đồng dân sự”. Đáp ứng đủ điều kiện của giao dịch theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Bà Nguyễn Thị H trình bày gia đình bà H, ông X chỉ nợ HTX N tiền vay đầu tư trồng mía số tiền 6.077.000đ (Sáu triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), bà có ký vào văn bản chốt công nợ nhưng bà không được đọc nội dung. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị H không chứng minh được gia đình bà chỉ còn nợ HTX N số tiền như bà H nói. Do đó yêu cầu của bà H không được chấp nhận

[4] Đối với yêu cầu trả tiền gốc của HTX N, HĐXX thấy: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X có nợ HTX Ngọc Trạo tính đến ngày 30/12/2017 số tiền là 20.090.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Từ ngày 30/12/2017, Hợp tác xã N nhận bàn giao của Hợp tác xã Ngọc Trạo số tiền gia đình bà H và ông X nợ HTX và tính lãi 1%/ tháng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/3/2020. Tính đến ngày 30/3/2020 hai bên đã có văn bản chốt công nợ gia đình bà H và ông X có nợ Hợp tác xã Ngọc Trạo số tiền là 25.956.953đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi ba đồng). Bản thân bà H cũng thừa nhận đã ký vào văn bản chốt công nợ. Do đó hợp đồng dân sự giữa Hợp tác xã Ngọc Tiến với bà Nguyễn Thị H là hợp pháp. Tại văn bản chốt công nợ có cam kết ngày thực hiện nghĩa vụ trả tiền là ngày 30/6/2020 tuy nhiên đến nay bà H và ông X vẫn chưa trả được tiền nợ cho Hợp tác xã và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Hợp tác xã Ngọc Tiến buộc bà H và ông X phải trả cho Hợp tác xã Ngọc Tiến số tiền nợ theo Biên bản chốt công nợ ngày 30/3/2020 là 25.956. 923 đồng.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi: Theo như yêu cầu Hợp tác xã N yêu cầu tính lãi đối với số tiền 25.956.953đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi ba đồng) với lãi suất 1%/tháng, lãi suất phát sinh tính từ ngày 30/6/2020 đến khi bà H và ông X trả hết nợ. Việc yêu cầu tính tiền lãi trên là phù hợp với phương án kinh doanh của Hợp tác xã, gia đình bà H, ông X là xã viên của hợp tác xã, bản thân bà H cũng thừa nhận việc nợ tiền đầu tư phân bón phải chịu tiền lãi, điều này thể hiện qua diễn biến quá trình nợ tiền đầu tư phân bón và qua các lần chốt công nợ giữa hai bên. Do đó chấp nhận yêu cầu về trả tiền lãi của hợp tác xã kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Ngọc Tiến.

Lãi suất phát sinh từ ngày 30/6/2020 đến ngày xét xử ngày 11/7/2022 là 24 tháng 11 ngày, số tiền lãi sẽ là:  $25.956.953 \text{ đ} \times 1\% \times 24 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} = 6.324.843 \text{ đồng}$

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N được chấp nhận nên bà H và ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền phải trả nợ là:  $32.281.796\text{đ} \times 5\% = 1.614.089\text{đ}$  (Làm tròn số là 1.614.000 đồng). Hợp tác xã N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X phải trả cho Hợp tác xã N số tiền gốc và lãi 32.281.796 đ ( Ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi một nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó tiền gốc là 25.956.953đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi ba đồng) và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.324.843 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi tư nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 1 %/ 1 tháng, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X phải chịu 1.614.000 đồng (Một triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hợp tác xã N được hoàn trả lại số tiền 649.000đ (Sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0007512 ngày 15/12/2021.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện Hợp tác xã N. Vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn X có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Hải**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Đặng Văn Thuận**

**Nguyễn Ngọc Phương**

**Bùi Văn Tuấn**